

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy định Bảo vệ môi trường
trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam

TỔNG GIÁM ĐỐC TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 26/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 105/2024/NĐ-CP ngày 01/8/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương và Nghị định số 26/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ về Điều lệ và hoạt động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng ban Khoa học Công nghệ và Môi trường Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “*Quy định Bảo vệ môi trường trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam*”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/6/2025.

Điều 3. Các Phó Tổng giám đốc EVN, Trưởng các Ban thuộc Hội đồng thành viên EVN, Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban chức năng thuộc Cơ quan EVN, Giám đốc các đơn vị trực thuộc EVN; Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc/Giám đốc Công ty TNHH MTV cấp II và Công ty TNHH MTV cấp III; Người đại diện phần vốn của EVN, của Công ty TNHH MTV cấp II tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HDTV (để b/c);
- KSV EVN;
- Các đơn vị thành viên EVN;
- Công đoàn Điện lực Việt Nam ;
- Lưu: VT, KHCNMT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Anh Tuấn

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM



EVN

**QUY ĐỊNH
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
TRONG TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM**

MỤC LỤC

Chương I - QUY ĐỊNH CHUNG.....	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2. Giải thích từ ngữ.	1
Điều 3. Nguyên tắc áp dụng.	2
Chương II - QUY ĐỊNH TUÂN THỦ TRONG HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	2
Điều 4. Tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường	2
Điều 5. Trách nhiệm thực hiện các thủ tục môi trường.....	2
Điều 6. Rà soát nội bộ Hồ sơ môi trường	3
Điều 7. Quan trắc, giám sát môi trường	3
Điều 8. Quản lý chất thải và kiểm soát các chất ô nhiễm.....	5
Điều 9. Quản lý tro, xỉ, thạch cao các nhà máy nhiệt điện.....	6
Điều 10. Quản lý nước thải, bụi, khí thải và các chất ô nhiễm khác.....	7
Điều 11. Quản lý PCB	7
Điều 12. Quản lý cơ sở dữ liệu môi trường	8
Điều 13. Thích ứng với biến đổi khí hậu và kiểm kê, giảm nhẹ phát thải KNK.....	8
Điều 14. Đào tạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động bảo vệ môi trường	9
Điều 15. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường.....	9
Chương III - TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	10
Điều 16. Chi phí thực hiện công tác bảo vệ môi trường.....	10
Điều 17. Điều khoản thi hành.	10

**QUY ĐỊNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
TRONG TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM**

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về các hoạt động bảo vệ môi trường trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

2. Đối tượng áp dụng

a. Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).

b. Các đơn vị trực thuộc EVN.

c. Người đại diện phần vốn của EVN tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn.

Điều 2. Giải thích từ ngữ.

1. Hồ sơ môi trường bao gồm: Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (đính kèm Báo cáo Đánh giá tác động môi trường), Giấy phép khai thác sử dụng nước mặt; Giấy phép khai thác sử dụng nước biển; Giấy phép khai thác sử dụng nước dưới đất; Giấy phép môi trường, Đăng ký môi trường, các báo cáo, kế hoạch ứng phó sự cố môi trường, giấy phép, chứng từ liên quan đến công tác bảo vệ môi trường khác (nếu có) theo quy định pháp luật.

2. Đơn vị: Các đơn vị hạch toán phụ thuộc EVN.

3. CTNH: Chất thải nguy hại.

4. ĐTM: Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

5. Luật Bảo vệ môi trường: Luật số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

6. Pháp luật về bảo vệ môi trường: Luật Bảo vệ môi trường, các văn bản hướng dẫn thi hành và các văn bản pháp luật khác có liên quan đến môi trường như pháp luật về đầu tư, xây dựng, tài nguyên nước, hóa chất ...

7. PCB: Polychlorinated biphenyls - Một nhóm hợp chất hữu cơ bền, độc hại và khó phân hủy.

8. QCVN: Quy chuẩn quốc gia Việt Nam.

9. TNHH: Trách nhiệm hữu hạn.

10. Các từ ngữ trong Quy định này đã được giải nghĩa trong Luật Bảo vệ môi trường, Điều lệ tổ chức và hoạt động của EVN và các văn bản quy phạm pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng.

1. Công tác bảo vệ môi trường trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam thực hiện theo nguyên tắc phòng ngừa là chính, lồng ghép công tác bảo vệ môi trường vào các hoạt động đầu tư xây dựng, sản xuất kinh doanh, kịp thời phát hiện và xử lý nguy cơ ô nhiễm, suy thoái môi trường, sự cố môi trường trong phạm vi quản lý

2. Hoạt động bảo vệ môi trường của EVN và Đơn vị phải gắn liền với bảo vệ môi trường của quốc gia, khu vực và toàn cầu; gắn kết hài hòa với việc bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển của EVN; phù hợp với quy luật, đặc điểm tự nhiên, yếu tố lịch sử, văn hóa và trình độ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Chương II

QUY ĐỊNH TUÂN THỦ

TRONG HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 4. Tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường

1. Việc tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường phải được lồng ghép và quy định bắt buộc trong các quá trình về đầu tư xây dựng và vận hành sản xuất, sửa chữa xử lý sự cố, quản lý chất lượng và đào tạo nhân lực.

2. EVN, các Đơn vị tổ chức thực hiện đầy đủ các thủ tục môi trường, các biện pháp, phương án bảo vệ môi trường theo quy định đối với các dự án, cơ sở, công trình do EVN/Đơn vị quản lý vận hành thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh.

Điều 5. Trách nhiệm thực hiện các thủ tục môi trường

1. Các Đơn vị là chủ đầu tư dự án hoặc được EVN giao làm đại diện chủ đầu tư dự án có trách nhiệm xác định đầy đủ các thủ tục môi trường phải thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, quy định phân cấp của EVN và Quy định này, đảm bảo đáp ứng chất lượng, tiến độ dự án.

2. EVN, các Đơn vị không đề xuất/cam kết các chỉ tiêu, thông số không cần thiết và/hoặc không thuộc đối tượng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có liên quan trong các hồ sơ môi trường của các công trình, cơ sở do đơn vị mình quản lý vận hành và của các dự án do đơn vị là chủ đầu tư hoặc được EVN giao làm đại diện chủ đầu tư.

3. EVN, các Đơn vị có trách nhiệm lưu trữ Hồ sơ môi trường đã được phê duyệt của các công trình, cơ sở, dự án được giao quản lý/vận hành.

Điều 6. Rà soát nội bộ Hồ sơ môi trường

1. Các Đơn vị phải tổ chức rà soát kỹ lưỡng toàn bộ Hồ sơ môi trường trước khi trình EVN rà soát nội bộ hoặc trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Kết quả rà soát của đơn vị phải được lập thành văn bản, thể hiện rõ các nội dung sau:

a. Tính đầy đủ của hồ sơ về thành phần, phạm vi, nội dung theo quy định.

b. Mức độ rõ ràng, chính xác, đồng bộ, logic và thống nhất trong các hồ sơ, tài liệu có liên quan.

c. Những nội dung đã đáp ứng yêu cầu/quy định, những nội dung chưa đáp ứng yêu cầu/quy định hoặc cần làm rõ.

3. Các Đơn vị phải trình EVN rà soát nội bộ hồ sơ môi trường trong giai đoạn đầu tư xây dựng của các dự án do EVN làm chủ đầu tư, hồ sơ môi trường trong giai đoạn vận hành của các nhà máy thủy điện, nhà máy nhiệt điện đối với các loại hồ sơ môi trường sau đây và hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu của EVN, trước khi trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:

a. Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

b. Giấy phép môi trường.

c. Giấy phép khai thác tài nguyên nước.

d. Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu (nếu có).

e. Kế hoạch ứng phó sự cố hóa chất (nếu có).

Điều 7. Quan trắc, giám sát môi trường

1. Yêu cầu chung:

a. Việc quan trắc, giám sát môi trường trong các dự án/nhà máy/công trình điện bao gồm quan trắc, giám sát chất thải phát sinh và quan trắc chất lượng nguồn nước khai thác/tiếp nhận (nếu có), được thực hiện thông qua quan trắc tự động, liên tục, quan trắc định kỳ và giám sát trực quan.

b. EVN, các Đơn vị không đề xuất trong các hồ sơ môi trường nội dung giám sát, quan trắc môi trường xung quanh, trừ trường hợp có yêu cầu riêng của cơ quan phê duyệt (sau ngày Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực) hoặc dự án có phát sinh phóng xạ.

c. EVN, các Đơn vị không thuộc đối tượng phải quan trắc chất thải (định kỳ hoặc liên tục) và quan trắc môi trường (xung quanh) theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường nhưng có quy định trong các Quyết định, giấy phép và hồ sơ môi trường đã được phê duyệt trước ngày Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực phải có

văn bản thông báo tới cơ quan có thẩm quyền việc miễn thực hiện quan trắc đối với các nội dung không thuộc trách nhiệm thực hiện theo quy định Luật hiện hành.

2. Kế hoạch quan trắc, giám sát môi trường:

a. Các Đơn vị có trách nhiệm xây dựng, phê duyệt kế hoạch quan trắc, giám sát môi trường cho các công trình, cơ sở, dự án được giao quản lý/vận hành.

b. Kế hoạch quan trắc, giám sát môi trường phải bao gồm các nội dung: Tần suất thực hiện, vị trí, khu vực quan trắc, thông số quan trắc cụ thể đối với từng loại chất thải, phương án tổ chức thực hiện, ngân sách dự kiến, nguồn kinh phí thực hiện.

c. Việc quan trắc môi trường định kỳ hoặc đột xuất phải được thực hiện bởi tổ chức có Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quy định.

d. Đơn vị có trách nhiệm kiểm tra, giám sát toàn bộ quá trình quan trắc tại hiện trường của tổ chức thực hiện quan trắc.

3. Hệ thống quan trắc tự động liên tục nước thải, khí thải

a. EVN, các Đơn vị phải thực hiện thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị quan trắc trong các hệ thống quan trắc tại công trình, cơ sở do đơn vị mình quản lý theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

b. Các Đơn vị phải chủ động tự kiểm tra định kỳ các hệ thống quan trắc bằng chất chuẩn theo khuyến cáo của nhà sản xuất và đảm bảo tần suất tối thiểu 01 lần/tháng đối với hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục và 01 lần/02 tuần đối với hệ thống quan trắc khí thải tự động liên tục. Chủ động thường xuyên kiểm tra, vệ sinh các sensor (đầu đo) của thiết bị quan trắc tự động, liên tục.

c. Quá trình vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, kiểm tra, kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị quan trắc phải được ghi chép đầy đủ trong nhật ký vận hành.

d. EVN, các Đơn vị phải duy trì vận hành và kết nối dữ liệu quan trắc của các hệ thống quan trắc tự động, liên tục tại các nhà máy nhiệt điện, nhà máy thủy điện đang vận hành với hệ thống quản lý của Sở Nông nghiệp Môi trường và Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

e. Các nhà máy nhiệt điện phải kết nối và truyền dữ liệu quan trắc tự động, liên tục đối với khí thải về hệ thống Cơ sở dữ liệu môi trường và hệ thống quản lý kỹ thuật nguồn và lưới điện (PMIS) của Tập đoàn, đồng thời lắp đặt và duy trì vận hành bảng điện tử hiển thị dữ liệu quan trắc tại Công nhà máy.

4. Giám sát môi trường trực quan:

a. Các Đơn vị phải thực hiện giám sát môi trường tại các công trình, cơ sở, dự án do đơn vị mình quản lý/vận hành thông qua các hoạt động kiểm tra, giám sát trực quan, thường xuyên, liên tục.

b. Các hoạt động giám sát môi trường trực quan phải thực hiện: tại các vị trí tiềm ẩn phát sinh chất thải, rủi ro môi trường, bao gồm nhưng không giới hạn: khu vực lưu chứa chất thải, khu vực xử lý nước thải, bãi thải xỉ, kho chứa dầu, hóa chất, bể dầu, cảng nhập nhiên liệu.

c. Các nội dung giám sát trực quan bao gồm nhưng không giới hạn bởi các thông số khí thải, chất lượng nước thải, bụi, tiếng ồn, rò rỉ hóa chất, tình trạng xả tràn, tích tụ bùn, rác, cặn nhằm kịp thời phát hiện các dấu hiệu bất thường hoặc hiện tượng ô nhiễm phát sinh trong quá trình vận hành.

5. Giám sát kết quả quan trắc môi trường

a. Các đơn vị phải thực hiện kiểm tra, xác minh, xác định nguyên nhân khi phát hiện thông số quan trắc tại công trình, cơ sở, dự án do đơn vị mình quản lý vi phạm quy định hoặc có thay đổi theo chiều hướng có khả năng xảy ra vi phạm quy định hoặc số liệu có sự sai khác bất thường.

b. Các Đơn vị phải kịp thời có văn bản báo cáo giải trình với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp dữ liệu quan trắc không chính xác do lỗi sensor, lỗi thiết bị của hệ thống quan trắc tự động liên tục.

c. Trong trường hợp phát hiện có dữ liệu quan trắc vi phạm quy chuẩn môi trường, các Đơn vị phải báo cáo EVN và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và theo phân cấp; đồng thời thực hiện các biện pháp khắc phục đảm bảo tính hiệu quả và tính đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo quy định; và thực hiện quan trắc kiểm chứng tính đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường sau khi thực hiện các biện pháp khắc phục.

Điều 8. Quản lý chất thải và kiểm soát các chất ô nhiễm

1. EVN và các Đơn vị có trách nhiệm quản lý toàn diện chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, chất thải phải kiểm soát và chất thải rắn công nghiệp thông thường trong suốt quá trình: phát sinh, giảm thiểu, phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ, tái sử dụng, tái chế và xử lý.

2. EVN và các Đơn vị được phép tự vận chuyển chất thải nguy hại, hoặc thuê đối tác có năng lực, phương tiện đạt yêu cầu kỹ thuật, có giấy phép vận chuyển phù hợp theo quy định. Trường hợp tự vận chuyển chất thải nguy hại, đơn vị vận chuyển phải đáp ứng yêu cầu về phương tiện, thiết bị định vị, tài khoản và có trách nhiệm thông tin đến cơ quan quản lý.

3. Hội đồng thanh xử lý vật tư thiết bị của các Đơn vị phải có sự tham gia của bộ phận phụ trách về môi trường để đảm bảo thực hiện đúng công tác phân định, phân loại, lưu giữ, chuyển giao, xử lý các vật tư thiết bị có liên quan đến chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật.

4. Đơn vị có trách nhiệm lưu giữ Hồ sơ quản lý chất thải nguy hại (bản gốc hoặc bản sao) tối thiểu 5 năm, các tài liệu gồm: Các báo cáo định kỳ, đột xuất về

công tác quản lý CTNH, hợp đồng chuyển giao CTNH, hồ sơ năng lực chủ xử lý CTNH, hồ sơ giao nhận khi chuyển giao CTNH, các hồ sơ, liên chứng từ CTNH.

Điều 9. Quản lý tro, xỉ, thạch cao các nhà máy nhiệt điện

1. Tro, xỉ, thạch cao từ nhà máy nhiệt điện than đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật sử dụng làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng do cơ quan có thẩm quyền ban hành được quản lý như đối với sản phẩm hàng hóa vật liệu xây dựng.

2. Các Đơn vị quản lý/vận hành nhà máy nhiệt điện phải thực hiện:

a. Xây dựng quy trình thu gom, vận chuyển, lưu trữ tro, xỉ, thạch cao phù hợp với công nghệ và thiết kế của nhà máy.

b. Triển khai hiệu quả Đề án xử lý, tiêu thụ tro, xỉ, thạch cao đã được phê duyệt. Trong trường hợp có những thay đổi hoặc bất cập cần báo cáo cấp có thẩm quyền xin điều chỉnh nội dung Đề án xử lý, tiêu thụ tro, xỉ thạch cao đã được phê duyệt.

c. Áp dụng giải pháp nâng cao hiệu suất đốt than, giảm lượng phát sinh và ổn định chất lượng tro, xỉ, thạch cao.

d. Xe vận chuyển tro xỉ phải được phủ bạt kín trong suốt quá trình vận chuyển, trên tuyến đường được xác định đến bãi chứa xỉ. Trường hợp lấy tro xỉ trực tiếp tại Silo phải có xe bồn chuyên dụng và thực hiện các giải pháp đảm bảo ngăn chặn phát tán tro, xỉ ra môi trường xung quanh.

e. Bố trí khu vực rửa xe và có quy định đảm bảo rửa sạch thân xe, các bánh xe và phủ bạt kín trước khi vào và ra khỏi khu vực tiếp nhận tro xỉ nhà máy và tại bãi chứa xỉ.

f. Thực hiện san gạt, đầm chặt và lu lèn ngay sau khi tro xỉ được đưa ra lưu trữ tại bãi chứa xỉ theo phương án thải xỉ khô (ẩm) bằng xe vận chuyển. Trong suốt quá trình san gạt, lu lèn, phải thường xuyên phun tưới nước dập bụi.

g. Đảm bảo duy trì mực nước trong hồ thải xỉ phù hợp, ngăn phát tán bụi khi nước bốc hơi đối với phương án thải xỉ ướt bằng bơm tống thủy lực.

h. Tăng cường bố trí phương tiện, lực lượng để tiến hành san gạt, lu lèn, tưới nước, khi thời tiết có nắng gió bất thường và có phương án dự phòng đảm bảo khi có gió lớn, lốc xoáy không để phát tán bụi ra môi trường xung quanh.

i. Thực hiện quy trình quan trắc (lún, dịch chuyển, biến dạng) công trình đê bao bãi xỉ và thực hiện phương án gia cố (nếu có) đảm bảo an toàn.

j. Có phương án ứng phó nguy cơ chảy tràn nước bề mặt bên trong bãi chứa xỉ ra môi trường xung quanh.

k. Trồng và duy trì chăm sóc cây xanh xung quanh khu vực bãi xỉ nhằm hạn chế phát tán bụi.

Điều 10. Quản lý nước thải, bụi, khí thải và các chất ô nhiễm khác.

1. Nước thải phải được thu gom, xử lý sơ bộ trước khi đầu nối với hệ thống xử lý nước thải tập trung hoặc xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải trước khi xả ra môi trường (đối với dự án, công trình tại vị trí không có hệ thống xử lý tập trung). Ưu tiên tái sử dụng nước thải nếu đáp ứng quy định môi trường.

2. Công trình, thiết bị ứng phó sự cố nước thải phải là công trình, thiết bị kiên cố, chống thấm, rò rỉ, có khả năng lưu chứa hoặc xử lý lại nước thải, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật và không dùng chung với hệ thống nước mưa, phòng cháy chữa cháy. Trang thiết bị ứng phó phải được chuẩn bị sẵn sàng, đáp ứng tiêu chuẩn thiết kế và phục vụ việc phát hiện, xử lý kịp thời khi có sự cố xảy ra.

3. Các công trình, cơ sở, dự án, nếu có phát tán bụi, khí thải và các chất ô nhiễm khác, phải được kiểm soát, có biện pháp giảm thiểu và xử lý đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

Điều 11. Quản lý PCB

1. Dầu, máy biến áp, tụ điện thải có chứa PCB, các thiết bị thải khác có chứa hoặc nhiễm PCB là chất thải nguy hại có PCB.

2. Các Đơn vị phải thực hiện:

a. Xây dựng lộ trình loại bỏ, tiêu hủy an toàn các thiết bị có chứa PCB từ 50ppm trở lên (loại bỏ vào năm 2025 và tiêu hủy an toàn vào năm 2028).

b. Giám sát chặt chẽ, không cho phép rò rỉ dầu ra môi trường từ các thiết bị điện đang vận hành và đang lưu giữ trong kho.

c. Cô lập, khoanh vùng những thiết bị có dầu nhiễm PCB để tránh lây nhiễm chéo sang các thiết bị, dụng cụ khác.

d. Dán nhãn nồng độ PCB trong các thiết bị đang vận hành để quản lý và kiểm soát chặt chẽ các thiết bị này.

e. Quản lý chặt chẽ các thiết bị nhiễm PCB, hạn chế chuyển đổi, thay thế vào các vị trí khác.

f. Tăng cường quản lý các thiết bị nhiễm PCB để đảm bảo các thiết bị được vận hành an toàn, không bị rò rỉ, không bị sự cố. Khi có dấu hiệu điều kiện kỹ thuật của thiết bị không đảm bảo, cần tháo dỡ luôn ra khỏi lưới điện và làm thủ tục thanh lý. Không tiếp tục bảo trì, bảo dưỡng và sử dụng các thiết bị này.

g. Không bán thanh lý các thiết bị có chứa dầu thải nhiễm PCB vượt ngưỡng theo quy định.

h. Không cần thử nghiệm nồng độ PCB trước khi thanh lý trong các trường hợp thiết bị có hồ sơ nêu rõ không chứa PCB vượt ngưỡng của QCVN hiện hành và không bị thay dầu, thêm dầu trong quá trình vận hành.

i. Bố trí khu vực lưu giữ tạm thời chất thải có chứa PCB đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quản lý chất thải nguy hại nhiễm PCB theo quy định. Dầu thải có PCB phải chứa trong các bao bì cứng hoặc thiết bị lưu chứa đặt trên bục hoặc tấm nâng và không xếp chồng lên nhau. Phải dán nhãn nồng độ PCB trên thiết bị.

j. Chỉ chuyển giao CTNH có PCB cho đối tác có giấy phép vận chuyển và xử lý PCB.

Điều 12. Quản lý cơ sở dữ liệu môi trường

1. EVN chủ trì xây dựng và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam.

2. Các Đơn vị phải kết nối, khai báo, cập nhật đầy đủ, đúng hạn, đảm bảo tính chính xác, trung thực, kịp thời của dữ liệu môi trường tại các công trình, cơ sở, dự án do đơn vị mình quản lý/vận hành vào hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường.

3. Việc truy cập, khai thác cơ sở dữ liệu môi trường thực hiện theo phân cấp và thẩm quyền tương ứng của EVN và các Đơn vị.

4. Thông tin, dữ liệu môi trường tại các Đơn vị phải được công khai theo nguyên tắc minh bạch, có chọn lọc, phù hợp với quy định pháp luật và yêu cầu về quản trị và bảo mật thông tin của EVN, Đơn vị.

5. Việc công khai thông tin môi trường được thực hiện trên trang thông tin điện tử và/hoặc bảng điện tử đặt tại cổng công trình, cơ sở, đảm bảo người dân dễ tiếp cận, giám sát.

6. Các thông tin phải được công khai:

a. Kết quả quan trắc tự động, liên tục (nếu có) đối với hệ thống nước thải, khí thải phải được công khai ngay sau khi có kết quả quan trắc và duy trì liên tục ít nhất 30 ngày.

b. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ phải được công khai trong vòng 10 ngày kể từ ngày có kết quả quan trắc và duy trì cho đến khi có kết quả quan trắc mới.

c. Khối lượng chất thải rắn, chất thải nguy hại đã xử lý và đơn vị xử lý.

d. Thông tin liên hệ về đầu mối thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Đơn vị.

Điều 13. Thích ứng với biến đổi khí hậu và kiểm kê, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

1. EVN, các Đơn vị phải thực hiện rà soát đánh giá các nội dung khả năng chống chịu và năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu nhằm giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và khí hậu cực đoan gây ra trong quá trình lập ĐTM, hồ sơ môi trường của Dự án.

2. EVN và các Đơn vị phải thường xuyên theo dõi, quan trắc khí tượng thủy văn, diễn biến đổi khí hậu để kịp thời có các biện pháp cải tạo, nâng cấp, ứng phó với các tác động có thể xảy ra của biến đổi khí hậu trong quá trình sản xuất.

3. EVN, các Đơn vị phải xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm phát thải hàng năm, lồng ghép vào chương trình quản lý chất lượng, sản xuất sạch hơn, chương trình bảo vệ môi trường.

4. Các cơ sở nhà máy điện thực hiện kiểm kê khí nhà kính hàng năm theo mẫu hướng dẫn trên hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường của EVN.

5. Định kỳ 2 năm/lần, các đơn vị thuộc danh mục đối tượng phải kiểm kê khí nhà kính, do Thủ tướng Chính phủ ban hành, lập báo cáo theo mẫu gửi cơ quan có thẩm quyền thẩm định và hoàn thiện báo cáo kết quả kiểm kê gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 01/12 của kỳ báo cáo.

6. EVN, các Đơn vị được tham gia thị trường carbon, được phép mua bán hạn ngạch và tín chỉ carbon theo quy định.

Điều 14. Đào tạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động bảo vệ môi trường

1. EVN và các Đơn vị phải tổ chức đào tạo, tập huấn hàng năm cho các cán bộ thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường của các đơn vị.

2. EVN và các Đơn vị phải kiểm tra, đôn đốc, giám sát định kỳ và đột xuất việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại các đơn vị thành viên nhằm đánh giá mức độ tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định EVN.

3. Kết quả kiểm tra là căn cứ để xếp loại thi đua, đánh giá hiệu quả công tác môi trường và xem xét trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan.

Điều 15. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường

1. Các đơn vị có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng năm và đột xuất theo yêu cầu của EVN về tình hình, kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại các công trình/cơ sở/dự án do đơn vị mình quản lý/vận hành.

2. Báo cáo định kỳ hàng năm gửi về EVN trước ngày 15/12 của kỳ báo cáo.

3. Khi có sự cố gây ảnh hưởng tới môi trường, đơn vị báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Lãnh đạo EVN, Lãnh đạo Ban chuyên môn phụ trách công tác bảo vệ môi trường và các Ban chức năng có liên quan của EVN trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự cố.

4. Các đơn vị có trách nhiệm báo cáo Tập đoàn khi nhận được kế hoạch thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước tại các công trình, cơ sở, dự án do đơn vị mình quản lý/vận hành và việc thực hiện khắc phục các tồn tại được nêu trong các kết luận, kiến nghị của các đoàn thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực môi trường tại đơn vị mình.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Chi phí thực hiện công tác bảo vệ môi trường.

1. Chi phí thực hiện công tác bảo vệ môi trường cho các dự án đang thực hiện đầu tư của EVN/Đơn vị được hạch toán vào chi phí của dự án.
2. Chi phí thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại EVN/Đơn vị đang hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh của EVN/Đơn vị.

Điều 17. Điều khoản thi hành.

1. Các tổ chức, cá nhân trong EVN và các đơn vị trực thuộc EVN có trách nhiệm thực hiện Quy định này.
2. Căn cứ các quy định tại Quy định này, người đại diện phân vốn của EVN tại các công ty cổ phần, công ty TNHH có trách nhiệm biểu quyết, ban hành quy định về bảo vệ môi trường tại đơn vị do mình làm đại diện, quản lý theo các nguyên tắc sau:
 - a. Tuân thủ các quy định của pháp luật.
 - b. Đảm bảo áp dụng đồng bộ, thống nhất với các quy định của EVN trong Quy định này tại đơn vị do mình làm đại diện, quản lý và tất cả các đơn vị thành viên của đơn vị do mình làm đại diện, quản lý .
 - c. Báo cáo đề nghị EVN rà soát nội bộ hồ sơ môi trường của dự án và/hoặc công trình nhà máy thủy điện, nhà máy nhiệt điện tại đơn vị do mình làm đại diện, quản lý và tại các đơn vị thành viên của đơn vị do mình làm đại diện, quản lý và hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu của EVN theo quy định tại Điều 6 Quy định này trước khi trình cơ quan có thẩm quyền.
 - d. Bảo đảm hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình trong hoạt động bảo vệ môi trường của đơn vị.
 - e. Thường xuyên giám sát và kịp thời chấn chỉnh, xử lý các thiếu sót, sai phạm trong hoạt động bảo vệ môi trường của các đơn vị trực thuộc và của Người đại diện phân vốn của các công ty cổ phần, công ty TNHH tại doanh nghiệp khác.